|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỈNH ỦY HẬU GIANG****\***Số -BC/TU*Dự thảo* |  | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Hậu Giang, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019**

**của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X**

**về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

 -----

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn *(viết tắt là Kết luận số 54-KL/TW)*. Qua đó, Bộ Chính trị đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của hạn chế, yếu kém trong 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Ngày 16/6/2022, tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra quan điểm, mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cho vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang báo cáo kết quả 05 năm triển khai thực hiện như sau:

**Phần I**

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 54-KL/TW**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Tỉnh Hậu Giang có lợi thế, thuận lợi cơ bản về sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, nông nghiệp của tỉnh đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại, gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 162.223 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 140.371 ha chiếm 86,53%; dân số 728.293 người, trong đó 71,9% sinh sống ở khu vực nông thôn. Cơ cấu khu vực I (nông, lâm, thủy sản) chiếm 21,95% trong cơ cấu GRDP của tỉnh và đóng góp khoảng 12.841 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thể hiện sự quan tâm to lớn của Đảng ta đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại; xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cùng với xây dựng hệ thống chính trị nông thôn vững mạnh,… đã tạo đồng thuận cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Để triển khai, quán triệt Kết luận số 54-KL/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành K**ế hoạch số 162-KH/TU** ngày 30/12/2019thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình số 140-CTr/TU ngày 09/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cụ thể hóa các nội dung Kết luận số 54-KL/TW vào các chương trình, kế hoạch của tỉnh**[[[1]](#footnote-1)]**.

**II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, QUÁN TRIỆT**

Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền tổ chức tốt việc tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để cả hệ thống chính trị và Nhân dân hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh tổ chức quán triệt cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân những nội dung Kết luận số 54-KL/TW và các nghị quyết, chương trình về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đó khẳng định rõ quan điểm của Đảng ta về vị trí, vai trò quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời triển khai các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bên cạnh đó, các đơn vị còn thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, các gương tiêu biểu, điển hình, những mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Hình thức tuyên truyền cũng rất đa dạng, phong phú như các chuyên mục trên phương tiện thông tin đại chúng (Đài Phát thanh và Truyền hình, kênh báo chí, hệ thống truyền thanh xã, ấp,...); các hình thức tổ chức hội nghị, hội thi, tọa đàm, sân khấu hóa,...; các phong trào vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể các cấp**[[[2]](#footnote-2)]**.

Công tác quán triệt, tuyên truyền đã nâng cao nhận thức, chuyển biến hành động của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp, cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đa số người nông dân đã ý thức được vai trò chủ thể của mình. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào có sức lan toả mạnh mẽ, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, được toàn xã hội quan tâm, hưởng ứng tham gia tích cực.

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các quy định pháp luật có liên quan**

Trong thời gian qua, Luật Đất đai 2013 và các quy định pháp luật liên quan rất được Tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và cấp huyện được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định; việc chuyển đổi đất trồng lúa[[[3]](#footnote-3)] kém hiệu quả sang mục đích khác được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, quyền lợi của Nhà nước và của nhà đầu tư, không để xảy ra khiếu kiện, đồng thời thúc đẩy phát triển các khu, cụm công nghiệp, các ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn. Các chính sách, pháp luật theo quy định Luật đất đai năm 2013 đã khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người sử dụng đất tập trung, tích tụ đất đai theo quy mô lớn và yên tâm hơn trong việc đầu tư, bước đầu Tỉnh đã thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về tích tụ, tập trung đất đai theo quy định Luật đất đai năm 2013 thời gian qua còn tồn tại những khó khăn, hạn chế nhất định. Cụ thể, quy định hạn mức nhận chuyển quyền đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân tại Điều 130 Luật đất đai 2013 chưa khuyến khích tích tụ để phát triển những trang trại sản xuất hàng hóa quy mô lớn; doanh nghiệp đầu tư còn gặp khó khăn trong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa, đất có rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân; việc thỏa thuận nhận chuyển nhượng chưa có sự đồng thuận cao của người sử dụng đất nên không thể tích tụ, tập trung đất đai.

Từ những khó khăn, hạn chế trên, Tỉnh chỉ đạo ngành Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tích cực nghiên cứu, đóng góp xây dựng hoàn thiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn theo quan điểm, định hướng đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai đã nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 03/10/2012 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI và Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới chính sách pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến nay, Luật Đất đai 2024 đã được Quốc hội khóa XV thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/08/2024 (thay thế Luật Đất đai 2013). Luật mới đã có quy định cụ thể về việc tập trung đất đai, tích tụ đất đai (Điều 177, 192, 193,…)[[[4]](#footnote-4)] nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư, ứng dụng cơ giới hoá và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn và sinh kế của người nông dân, khắc phục tình trạng sử dụng đất manh mún trong thời gian tới. Sau khi Luật Đất đai 2024 được ban hành, Tỉnh đã tổ chức nhiều Hội nghị triển khai Luật trong toàn hệ thống chính trị và tuyên truyền để Nhân dân được biết.

Thực hiện chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức canh tranh cao, Tỉnh định hướng xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp của từng địa phương phù hợp với tiểu vùng sinh thái, trong đó tập trung phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực, có lợi thế ở địa phương; từng bước xây dựng, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung**[[[5]](#footnote-5)]** có sản lượng hàng hóa quy mô lớn, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn liên kết với doanh nghiệp**[[[6]](#footnote-6)]**, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa và quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn, chất lượng**[[[7]](#footnote-7)]**. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Từ năm 2021 - 2023, diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa là 14.980 ha, trong đó, diện tích chuyển đổi sang trồng cây hằng năm là 973 ha; diện tích chuyển đổi sang trồng cây lâu năm là 2.197 ha; diện tích trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản là 11.810 ha; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giúp mang lại hiệu quả kinh tế cao gấp 2 - 4 lần so với trồng lúa.

**2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách**

Từ năm 2019 đến nay, tỉnh Hậu Giang tiếp tục ban hành nhiều chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, môi trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; chính sách thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn,.... Trong đó các chính sách ưu đãi đầu tư, thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ phát triển hợp tác xã, phát triển ngành, nghề nông thôn đã góp phần từng bước phát triển nền nông nghiệp với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao gắn với liên kết chuỗi giá trị, phát huy thế mạnh hiện có của tỉnh và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân. Cụ thể, HĐND tỉnh ban hành các chính sách**[[[8]](#footnote-8)]**.

Đồng thời, Tỉnh cũng triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp; hỗ trợ nâng cao đời sống của người trồng lúa, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật; phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ hỗ trợ của các tổ chức chính trị - xã hội trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen.

**3. Đa dạng nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu**

Thời gian qua, công tác xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Hậu Giang được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư, đặc biệt là các công trình giao thông trọng điểm quốc gia đang được đầu tư với hơn 100km đường cao tốc đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang[[[9]](#footnote-9)] là điều kiện thuận lợi cho tỉnh Hậu Giang trong kết nối các tỉnh trong vùng và phát triển logistic. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Tỉnh huy động được nhiều nguồn lực và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện. Đến nay, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản ở nông thôn được tăng cường theo hướng đồng bộ, từng bước kết nối với đô thị. Tính đến năm 2023, tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa trên 80%; 100% số xã có đường giao thông từ trụ sở xã đến UBND cấp huyện được nhựa, cứng hóa; hệ thống thủy lợi ngày càng hoàn thiện; trên 80% diện tích đất sản xuất được tưới tiêu chủ động, Tỉnh hiện có trên 130 trạm bơm điện, đảm bảo phục vụ trên 30.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị sản xuất và thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở các địa phương.

Về hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, Tỉnh có 02 tuyến đê bao chính, trong đó tuyến đê bao ngăn mặn Long Mỹ - Vị Thanh có tổng chiều dài 62km với 30 cống hở và 18 cống tròn, tổng diện tích phục vụ 24.000 ha đất nông nghiệp; tuyến đê bao Ô Môn - Xà No có tổng chiều dài 41km với 54 cống hở và 01 cống tròn, tổng diện tích phục vụ 12.800 ha đất nông nghiệp. Các tuyến đê thời gian qua đã giúp bảo vệ vườn cây ăn trái và hệ thống hạ tầng cơ sở; phục vụ tưới, tiêu, xổ phèn, ngăn mặn, lấy phù sa cải tạo đất góp phần sản xuất nông nghiệp ổn định. Hiện nay, một số công trình đã xuống cấp, mặt đê đã hư hỏng, các cống vận hành khó khăn không còn đáp ứng được yêu cầu biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Ngoài ra, Tỉnh đã và đang thực hiện nhiều công trình thủy lợi nhằm khắc phục và phòng ngừa sạt lở bờ sông (các công trình xây dựng, gia cố, nâng cấp kè tại các khu vực sạt lở và có nguy cơ sạt lở) góp phần bảo vệ tài sản, tính mạng người dân); các công trình cống, đập ngăn mặn nhằm ứng phó với xâm nhập mặn hàng năm.

**4. Rà soát tổ chức thú y từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm các điều kiện về cán bộ và phương tiện, kịp thời phòng, khống chế và dập tắt các dịch bệnh trong chăn nuôi; tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm**

Thực hiện quy định của Luật Thú y 2015, Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh Hậu Giang đã kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y từ tỉnh đến cơ sở theo 3 cấp: cấp tỉnh có Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản; cấp huyện có Trạm Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản; cấp xã, phường có viên chức phụ trách thú y.

Để hệ thống tổ chức tinh gọn, tập trung được nguồn lực, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả trong tình hình mới, đồng thời quy định rõ chức năng nhiệm vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành “Đề án Tổ chức lại các Trạm trực thuộc Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản tỉnh Hậu Giang”. với tổng số biên chế công chức, viên chức, người lao động là 158 người. Đặc biệt, tháng 3 năm 2024 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang đã tổ chức tuyển dụng lực lượng kiểm soát giết mổ vào hệ thống biên chế viên chức chính thức của tỉnh, đảm bảo các chế độ làm việc, hưởng các chế độ chính sách, tạo điều kiện cho lực lượng này an tâm, gắn bó với công tác. Qua đó góp phần tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ thú y, nhất là công tác phòng, khống chế và dập tắt các dịch bệnh đối với gia súc, gia cầm, thủy sản, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường. Ngoài ra, hệ thống cơ sở giết mổ được sắp xếp từng bước ổn định, góp phần kiểm soát tốt dịch bệnh gia súc, gia cầm và an toàn thực phẩm.

Hiện nay, chăn nuôi phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, gia trại tập trung quy mô vừa và nhỏ, đảm bảo an toàn dịch bệnh, đóng góp tích cực vào giá trị sản xuất nông nghiệp và là nguồn tăng thu nhập của nông hộ. Tổ chức lực lượng thú y từ tỉnh đến cơ sở được trang bị đầy đủ các điều kiện và phương tiện để kịp thời khống chế khi có dịch bệnh xảy ra.

Việc kiểm soát an toàn thực phẩm cũng được đặc biệt quan tâm, chỉ đạo thực hiện, bởi an toàn thực phẩm không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người, sự phát triển giống nòi mà còn tác động đến quá trình sản xuất, lưu thông hàng hoá, du lịch, thương mại, an sinh xã hội và uy tín của hàng hoá nông sản của Việt Nam trên thương trường thế giới. Quán triệt sâu sắc các chỉ thị của Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 145-KH/TU ngày 23/12/2022 và Chương trình số 150-CTr/TU ngày 27/12/2022 về thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/5/2016 về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 28/02/2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm, thẩm định, chứng nhận và đánh định kỳ, đánh giá xếp loại về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh, nhận thức và hành động của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản đã có sự chuyển biến tích cực trong công tác đảm bảo ATTP**[[[10]](#footnote-10)]**.

**5. Kết quả xây dựng nông thôn mới**

Chương trình xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện[[11]](#footnote-11), nhận thức của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên, hưởng ứng tích cực phong trào thi đua “Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Hậu Giang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025, số sản phẩm OCOP cấp tỉnh được công nhận đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Cụ thể:

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Cuối năm 2020, toàn tỉnh có 32/51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 62,75%. Từ năm 2021 đến nay, xây dựng và công nhận mới 09 xã nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới của toàn tỉnh đến nay là 41/51 xã đạt 80,39 %. Số tiêu chí bình quân/xã: 18,2 tiêu chí/xã.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Cuối năm 2020, toàn tỉnh có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Từ năm 2021 đến nay, công nhận thêm 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, lũy kế đến nay, Tỉnh có 11 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Cuối năm 2020, toàn tỉnh chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Từ năm 2021 đến nay tỉnh công nhận 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới: huyện Châu Thành A, thành phố Vị Thanh, thành phố Ngã Bảy.

- Tỉnh Hậu Giang đã đánh giá, phân hạng và cấp giấy chứng nhận cho tổng số 266 sản phẩm OCOP, với 125 chủ thể đăng ký tham gia (gồm 18 công ty chiếm 14,4%; 36 hợp tác xã chiếm 28,8%; 71 cơ sở, hộ kinh doanh 56,8%). Trong đó, có 92 sản phẩm OCOP 4 sao, 174 sản phẩm OCOP 3 sao, 11 sản phẩm đăng ký dự thi sản phẩm OCOP 5 sao của Trung ương.

Một số mô hình nổi bật trong xây dựng nông thôn mới được người dân tích cực hưởng ứng và nhân rộng:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có các mô hình: “Tuyến đường hoa kiểu mẫu, thân thiện với môi trường”, “Sáng từ ngõ, đẹp từ nhà”, mô hình theo phương thức 3 chung.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có các mô hình: Mô hình “5 không 3 sạch toàn diện”; “Đường hoa nhà sạch”.

- Hội Cựu chiến binh tỉnh có các mô hình: “Đường đẹp nhà qui ước”; mô hình “6 không”, “Câu lạc bộ tự quản bảo vệ môi trường“,…

- Đoàn Thanh niên có các mô hình: “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới” kết hợp với phong trào “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”, “Ngày Chủ nhật xanh, thứ Bảy tình nguyện”.

- Hội Nông dân có mô hình Chi hội nông dân “nói không với rác thải nhựa”, “Tuyến đường đẹp, dòng sông sạch”; “Tổ hội bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu”; “Tổ thu gom bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật”.

- Mô hình vận động người dân làm kè sinh thái, xây tường chắn lũ, làm lộ bê tông, làm cống hở kiên cố, trồng hoa kiểng, lắp đèn chiếu sáng tuyến kênh Ngã Cạy, ấp Phước Hưng, xã Đông Phước A.

- Mô hình đổi rác thải nhựa thành tiền tại ấp 1 thị trấn Vĩnh Viễn, chợ Xà Phiên, Trường THCS Thuận Hòa, Trường THCS Thuận Hưng,…

**6. Hiệu quả chương trình hỗ trợ người dân nông thôn, người nghèo, các đối tượng chính sách**

Những năm qua, công tác xóa đói giảm nghèo đã đem lại nhiều kết quả thật sự có ý nghĩa thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, cho hộ nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ dạy nghề gắn với tạo việc làm, hỗ trợ về y tế và giáo dục, hoạt động trợ giúp pháp lý, tăng dần mức sống dân cư ở các xã nghèo, các vùng khó khăn, hạn chế tái nghèo. Tạo điều kiện thuận lợi cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm và người nghèo tiếp cận được các dịch vụ công, được trợ giúp hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, giúp người nghèo tăng thu nhập, hỗ trợ xây dựng nhà cho hộ nghèo. Toàn tỉnh đã xây dựng 77 mô hình giảm nghèo**[[[12]](#footnote-12)]**, có 1.172 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia. Với những nỗ lực trên, tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm từ 1 - 2%/năm, năm 2023 giảm còn 3,29%.

Về lao động, việc làm: Từ năm 2020 đến nay đã tạo và giải quyết việc làm mới cho 79.770 người, trong đó đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 1.817 người. Đào tạo nghề cho 44.099 người (trong đó, đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo các dự án, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia là 17.245 người), góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 61,19% (2020) lên 70,17% (6 tháng đầu năm 2024). Tỉnh đã thực hiện tốt việc hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và theo các Dự án, Tiểu dự án thuộc 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia; thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và giảm nghèo bền vững; qua đó, đã ban hành nhiều văn bản triển khai đào tạo nghề cho lao động.

Về bảo trợ xã hội:Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Kết quả: thực hiện trợ cấp cho hơn 02 triệu lượt đối tượng, kinh phí trên 979 tỷ đồng; hỗ trợ chi phí mai táng cho 11.319 trường hợp, kinh phí trên 71,7 tỷ đồng; trợ giúp khẩn cấp cho 982 trường hợp, kinh phí trên 12,7 tỷ đồng; cấp trên 130.790 thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội, kinh phí trên 99 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo:

- Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020: Đầu năm 2019, toàn tỉnh có 14.489 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7,18% và 10.123 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,02%. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 6.965 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,46% và 7.167 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 3,56%. So với đầu năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm được 3,72% (từ 7,18% xuống còn 3,46%), biên độ giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm trung bình 1,86%.

- Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025: Qua kết quả tổng rà soát đầu năm 2022, toàn tỉnh có 12.989 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 6,45% và 7.840 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 3,89%; Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 6.611 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,29% và 6.741 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 3,36%. So với đầu năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm được 3,16% (từ 6,45% xuống còn 3,29%), biên độ giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm trung bình 1,58%.

**7. Cụ thể hóa kịch bản tác động của biến đổi khí hậu, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn**

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 17/12/2021 về hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Ngoài ra, triển khai đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh về cập nhật Kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia năm 2020 trong quá trình xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; triển khai thực hiện nhiệm vụ “Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang” (kinh phí thực hiện là 2,1 tỷ đồng, nguồn ngân sách tỉnh).

Triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn theo các chương trình, đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm (Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030). Thực hiện phân loại rác tại nguồn, ở một số xã theo chương trình xây dựng xã nông thôn mới. Hiện nay, các xã trên địa bàn tỉnh đều có thành lập Tổ vệ sinh môi trường ở ấp**[[[13]](#footnote-13)]** để thực hiện thu gom, vận chuyển rác đến nơi tập kết để chuyển giao cho đơn vị vận chuyển đến các bãi rác của tỉnh để xử lý. Các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục phân bổ kinh phí để UBND xã, phường, thị trấn hỗ trợ cho Tổ vệ sinh môi trường theo Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang và hỗ trợ cho Tổ vệ sinh môi trường thực hiện vận chuyển lượng chất thải rắn sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng thu gom được đến điểm tập kết giao cho đơn vị chức năng xử lý. Quan tâm theo dõi, giám sát chất lượng môi trường ở thành thị, nông thôn theo chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm; đồng thời, đã thực hiện công tác quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Hoạt động theo dõi, giám sát các khu vực chăn nuôi tập trung thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường được các cơ quan chức năng tiến hành thường xuyên.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

Việc triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo quyết liệt và đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

Kinh tế nông nghiệp phát triển và chuyển dịch tích cực, đã và đang có sản phẩm sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng mở rộng, nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được đưa vào sản xuất, một số loại sản phẩm được sản xuất với quy mô tập trung, phương thức công nghiệp, an toàn môi trường và đảm bảo vệ sinh thực phẩm.

Nông thôn của tỉnh phát triển khá nhanh và toàn diện, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống Nhân dân; cơ sở hạ tầng, hệ thống chính trị ở nông thôn hoạt động ngày càng hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tích cực thực hiện đạt nhiều thành tựu nổi bật; diện mạo ngày càng khởi sắc; nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới chuyển biến rõ rệt; dân chủ cơ sở được nâng cao hơn, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân từng bước được nâng lên. Diện mạo nông thôn ở nhiều nơi được đổi mới, văn minh, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, đời sống và thu nhập của người dân được cải thiện.

Hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn được đầu tư, nâng cấp, lưới điện quốc gia được mở rộng, đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa.

Công tác đào tạo nghề, tập trung nâng cao kiến thức cho người nông dân và chuyển dịch lao động nông thôn, giải quyết việc làm tăng dần qua các năm; kết quả tổ chức triển khai các chính sách giảm nghèo, giải quyết việc làm đã đi vào cuộc sống, thiết thực với người lao động, người nghèo, phù hợp với thực tế hiện nay.

Các chính sách đầu tư, hỗ trợ giúp nông dân vượt qua nhiều khó khăn, thách thức; đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận Nhân dân được cải thiện.

**2. Hạn chế**

Nông nghiệp phát triển chưa bền vững; nguồn lực đầu tư của Nhà nước còn hạn chế, trong khi chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Năng suất lao động thấp, thu nhập của nông dân còn bấp bênh.

Hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, kết nối kinh tế nông thôn - đô thị còn hạn chế. Việc phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn được thực hiện, nhưng chưa nhiều.

**3. Nguyên nhân hạn chế**

Sự chủ động của các cấp ủy, chính quyền địa phương có lúc, có nơi còn chưa quan tâm, thiếu quyết liệt trong lãnh đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là cụ thể hóa các giải pháp và nguồn lực thực hiện.

Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách chưa tốt, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ. Một bộ phận nông dân mang nặng tư duy sản xuất nhỏ; trông chờ vào chính sách, chậm thích nghi với việc chuyển nền sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp.

Sản xuất nông nghiệp vừa mới phục hồi sau đại dịch Covid-19 cùng với tác động của việc giá nguyên liệu, vật tư nông nghiệp tăng cao ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận người sản xuất. Lĩnh vực nông nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro nên cũng là rào cản trong việc thu hút đầu tư.

**V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1.** Cần nhận thức đúng về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống của nông dân và người dân nông thôn là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài; cần có quyết tâm chính trị cao, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự chung sức, đồng lòng của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò của người đứng đầu tổ chức Đảng; nơi nào tổ chức Đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy quan tâm, trực tiếp tham gia chỉ đạo, các đảng viên gương mẫu thực hiện thì ở đó đạt hiệu quả cao hơn.

**2.** Phát huy ý chí, sức mạnh, vai trò chủ thể của nông dân và người dân nông thôn trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là yếu tố quyết định thành công. Liên kết giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp,... để hình thành các chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp là tiền đề quan trọng để khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống của người dân nông thôn.

**3.** Cơ chế chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn phải phù hợp với thực tiễn và phát huy tính chủ động, sáng tạo của người dân; đồng thời phải đổi mới, sáng tạo, quyết liệt trong tổ chức triển khai thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến cách làm hay, khắc phục những hạn chế, bất cập, tháo gỡ những vướng mắc; động viên khen thưởng kịp thời và phù hợp.

**4.** Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn phải bắt đầu từ thị trường, phát huy lợi thế so sánh gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ, sự đổi mới, sáng tạo của người dân để làm ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

**5.** Xây dựng nông thôn mới phải được triển khai thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả vì lợi ích của người dân nông thôn; là cuộc vận động lớn của cả nước để hỗ trợ, khích lệ người dân chủ động thực hiện, tự nguyện tham gia góp công, góp sức, Nhà nước định hướng, hỗ trợ tích cực nhưng không làm thay.

**6.** Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học và công nghệ; tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nông sản, tận dụng cơ hội các hiệp định thương mại tự do, nâng cao năng lực cạnh tranh là yếu tố có tính quyết định đến thành công của quá trình cơ cấu lại nông nghiệp.

**Phần II**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN
TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch nông nghiệp ở những vùng có điều kiện lợi thế. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

**2. Mục tiêu cụ thể**

(1). Tốc độ tăng trưởng GRDP nông - lâm - thủy sản đạt bình quân 3,05%/năm; tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân 5,5 - 6%/năm.

(2). Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bìnhquân trên 10%/năm.

(3). Tỷ lệ xã nông thôn mới đạt 100% tổng số xã, trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đạt trên 50%, số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đạt trên 20%; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới đạt 75% (06 đơn vị cấp huyện), trong đó phấn đấu 35% số đơn vị cấp huyện (02 đơn vị) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(4). Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng tối thiểu 3,0 lần so với năm 2020.

(5). Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 90%.

(6). Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo đạt trên 70%.

(7). Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 3%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

**II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn**

Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phát huy vai trò của Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh Hợp tác xã tỉnh hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình văn hóa.

**2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng**

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp của Tỉnh với sự tập trung lãnh đạo và vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng.

Quy hoạch lại vùng sản xuất cây trồng, vật nuôi tập trung trên cơ sở nghiên cứu thổ nhưỡng, thị trường. Triển khai chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậutừng địa bàn. Phát triển sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, gắn kết chuỗi giá trị, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, trong đó quan tâm phát triển nông nghiệp đạt tiêu chuẩn chất lượng, nông nghiệp xanh theo hướng hữu cơ, đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ 4.0 vào sản xuất đưa nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại.

**3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn**

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ. Đầu tư phát triển kinh tế tập thể; công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, phát triển các cụm liên kết ngành nông nghiệp - công nghiệp chế biến - dịch vụ Logistics tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

Tăng cường công tác kêu gọi, thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm. Tập trung thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đang tham gia sản xuất trên địa bàn Tỉnh.

Hỗ trợ hình thành các tổ chức kinh tế chính thức (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nghề có đăng ký, tổ chức của hội nông dân) để lao động có hợp đồng làm việc chính thức, có các chính sách thu hút, giữ chân nhân lực về công tác tại khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), nhất là các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của Tỉnh gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân. Phát huy vai trò của các hiệp hội ngành hàng trong liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

**4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa**

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn hiện đại, kết nối với đô thị, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn.

Chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

**5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư để thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh nông nghiệp; chính sách thu hút đầu tư để khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn để từng bước giảm tình trạng di cư lao động từ nông thôn ra thành thị.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách của Tỉnh về hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn.

Tiếp tục hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng thương mại trên địa bàn Tỉnh trong cung cấp tín dụng đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách; ngăn chặn, xử lý nghiêm tín dụng đen. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động tín dụng, ngân hàng, cải tiến quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian xét duyệt cho vay.

**6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn**

Tập trung ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất các nông sản chủ lực, đặc trưng của Tỉnh; thúc đẩy, hoạt động đổi mới sáng tạo và nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao trong việc chọn, tạo giống mới phù hợp với hệ thống canh tác và điều kiện sản xuất của từng vùng, khu vực phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, tạo lập cơ sở dữ liệu, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai, quản lý vùng nguyên liệu. Tạo điều kiện để các hợp tác xã, nông dân tiếp cận và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trong sản xuất và tiếp cận thị trường. Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, nhất là lao động trẻ, đáp ứng nhu cầu thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

**7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai**

Tăng cường và tổ chức có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động quần chúng nhân dân, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tại khu vực nông thôn, nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường; thí điểm và nhân rộng các mô hình thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp; vận động, hỗ trợ xử lý triệt để chất thải rắn, nước thải chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản từ các hộ chăn nuôi cá thể, trang trại tại khu vực nông thôn bằng mô hình xử lý sinh học kết hợp sử dụng khí sinh học trong sinh hoạt tại các hộ gia đình, trang trại chăn nuôi; xây dựng và đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào các quy ước của xã.

Tiếp tục đầu tư hạ tầng phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường: Thiết lập các hệ thống thu gom chất thải rắn, chất thải sinh hoạt nông thôn. Đồng thời, đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường khi triển khai thực hiện các quy hoạch liên quan đến nông nghiệp, nông thôn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn.

Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh các biện pháp phòng chống, hạn chế tác động của sạt lở đất, mưa lớn, ngập lụt, xâm nhập mặn. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên.

Thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp. Từng bước hoàn thiện về cơ sở hạ tầng thủy lợi đáp ứng kỹ thuật tưới tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, khép kín cho các khu vực sản xuất lúa tập trung; áp dụng các biện pháp tưới và canh tác lúa tiên tiến (3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm; SRP; ướt - khô xen kẽ), tiết kiệm nước phù hợp với điều kiện canh tác của từng vùng nông nghiệp; chuyển đổi các mô hình canh tác chưa phù hợp sang các loại hình canh tác khác phù hợp với thổ nhưỡng, điều kiện cụ thể từng địa phương; điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ, quy trình, kỹ thuật trồng trọt nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm phát thải khí nhà kính.

Từng bước hạn chế và tiến tới chấm dứt đốt phế, phụ phẩm nông nghiệp thông qua cải tiến, áp dụng trên diện rộng quy trình, công nghệ thu gom tập trung, phân loại, xử lý, tái sử dụng, tuần hoàn, chuyển đổi mục đích sử dụng phế, phụ phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị kinh tế, chuyển đổi các-bon trong sinh khối cây trồng thành các-bon bền vững và năng lượng sạch, tăng tích lũy các-bon trong đất nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

Trong chăn nuôi, khuyến khích việc thay đổi, cải thiện và sử dụng các chế phẩm phù hợp trong khẩu phần ăn của vật nuôi nhằm tăng năng suất, giá trị kinh tế và giảm phát thải khí mê-tan; lai, chọn lựa các giống vật nuôi có năng suất chất lượng cao và phù hợp nhằm tăng năng suất, hiệu quả chăn nuôi; thu hồi và sử dụng khí mê-tan trong xử lý chất thải chăn nuôi vào các hoạt động trong chăn nuôi và sản xuất điện năng.

**8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ**

Chú trọng phát triển thị trường nông sản trong nước, chủ động khai thác hiệu quả cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA). Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

Tích cực nhân rộng các mô hình, dự án khoa học công nghệ, góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng hàm lượng khoa học công nghệ, trí tuệ trong sản phẩm và hình thành chuỗi giá trị, bảo đảm hài hòa lợi ích từ nuôi trồng, chế biến đến tiêu thụ nông sản với các hình thức hợp tác, liên kết phù hợp. Tiếp tục chuyển giao kết quả các đề tài để khảo nghiệm, nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả.

**9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn**

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa địa phương và các ban, bộ, ngành Trung ương.

Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng Hội Nông dân tỉnh vững mạnh, thực sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức cộng đồng dân cư tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Các cấp ủy, tổ chức Đảng tiếp tục tuyên truyền, quán triệt nội dung Kết luận số 54-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Chương trình số 140-CTr/TU ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và dân cư nông thôn.

**2.** Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

**3.** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 140-CTr/TU; xây dựng các nghị quyết về cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định hiện hành.

**4.** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn; tăng cường giám sát, phản biện quá trình thực hiện Kết luận số 54-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 140-CTr/TU tại các địa phương, đơn vị.

**5.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai tuyên truyền, quán triệt Kết luận số 54-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 140-CTr/TU trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên.

Trên đây là báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Văn phòng Trung ương Đảng,- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn tỉnh,- Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh,- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,- Lưu VPTU. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ** BÍ THƯ |

1. **[]** Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 05/01/2021 về hành động phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 25/04/2022); Chương trình số 03/CTr-UBND ngày 13/01/2021 về phát triển công nghiệp và logistics tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 20/07/2023); Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 22/12/2021 thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 22/3/2022 về cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 26/05/2022 về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 29/12/2022 về triển khai thực hiện Chương trình số 140-CTr/TU ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 04/5/2023 về thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” giai đoạn 2021 - 2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. **[]** Tổ chức tuyên truyền về xây dựng NTM 1.226 cuộc với 40.794 lượt người tham dự. Mặt trận và đoàn thể, các cơ quan thông tin truyền thông đã chủ động đưa tin về chương trình, có trên 250 tin, bài về xây dựng nông thôn mới trên báo Hậu Giang và trang thông tin điện tử của Văn phòng Điều phối các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh. Thực hiện truyền thông trên báo chí (159 kỳ), Đài PTTH (20 kỳ); Pano tuyên truyền (940 cái); bản tin nông thôn mới (11.300 quyển); bản đăng ký hộ gia đình tham gia xây dựng NTM (40.000 bản); tổ chức trên 60 cuộc truyền thông trực tiếp cho người dân, 20 cuộc “Nói chuyện chuyên đề” về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các tiêu chí của Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; xây dựng Video clip truyền thông về cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; Tổ chức Hội nghị sơ kết, khen thưởng các điển hình thực hiện vun đắp các giá trị tốt đẹp của gia đình; Hội Liên hiệp Phụ các cấp đã có 38.900 tin, bài được tuyên truyền, chia sẻ, 517.500 lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ được tiếp cận thông tin Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch". [↑](#footnote-ref-2)
3. **[]** Từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 713,98 ha/3.472,16 ha được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất (đất trồng lúa) hàng năm. [↑](#footnote-ref-3)
4. **[]** - Điều 192 Luật Đất đai năm 2024 quy định tổ chức kinh tế, cá nhân thực hiện tập trung đất nông nghiệp thông qua các phương thức chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo phương án dồn điền, đổi thửa; thuê quyền sử dụng đất và hợp tác sản xuất, kinh doanh bằng quyền sử dụng đất. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp; ứng dụng khoa học, công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đã tập trung.

- Điều 193 Luật Đất đai năm 2024 quy định người sử dụng đất thực hiện tích tụ đất nông nghiệp để tổ chức sản xuất thông qua các phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp. Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân ứng dụng khoa học, công nghệ để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất đã tích tụ.

- Điều 177 Luật Đất đai năm 2024 đã mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân từ không quá 10 lần lên không quá 15 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của địa phương (hạn mức cụ thể do UBND tỉnh quy định); Điều 77, Điều 78 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định rất chi tiết về quy trình, thủ tục, nội dung phương án tích tụ, tập trung đất nông nghiệp theo Luật Đất đai. [↑](#footnote-ref-4)
5. **[]** Vùng nuôi thủy sản tập trung: cá tra ở huyện Châu Thành, Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy; cá thát lát ở huyện Phụng Hiệp; nuôi lươn ở huyện Long Mỹ, Vị Thủy; cá đồng ở huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy và Long Mỹ. Vùng chuyên canh lúa chất lượng cao ở các huyện Phụng Hiệp, Vị Thủy, Châu Thành A, Long Mỹ,... Vùng chuyên canh cây ăn trái: Bưởi da xanh, chanh không hạt, mít, xoài, sầu riêng, mãng cầu xiêm, khóm,... ở các huyện Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp, Long Mỹ,... Hiện nay toàn tỉnh có 132 mã số vùng trồng được chứng nhận (diện tích 2.365 ha và khoảng 44.399 tấn sản phẩm) và 09 mã số đóng gói. [↑](#footnote-ref-5)
6. **[]** Hàng năm, trên địa bàn tỉnh có trên 60 doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết bao tiêu sản phẩm lúa và một số loại cây ăn trái (bưởi, chanh không hạt, mít, khóm) cho gần 40.000 lượt hộ sản xuất với khoảng 39.000 ha, sản lượng khoảng trên 300.000 tấn. [↑](#footnote-ref-6)
7. **[]** - Tỷ lệ cơ giới hóa trong canh tấc lúa đạt 100% khâu làm đất và thu hoạch, các khâu khác đạt từ 68 - 75% (gieo, sạ, cấy: 75%; phun thuốc: 68%, bón phân: 71%). Nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến được ứng dụng trong sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí: kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, SRP, IPM/MRL, công nghệ tưới tiết kiệm nước, công nghệ trồng cây trong nhà màng,...

- Diện tích sản xuất được chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP là 1.427 ha, sản lượng 27.891 tấn, chủ yếu là lúa, khóm,sầu riêng, bưởi, mít, chanh, xoài, dưa hấu,…; chứng nhận tiêu chuẩn GlobalGAP được 229 ha, sản lượng 3.659 tấn, chủ yếu là lúa, mít, mãng cầu xiêm, sầu riêng, chanh, khóm. [↑](#footnote-ref-7)
8. **[]** Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 về quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 07/72020 về Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022); Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 thông qua Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023); Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 quy định nội dung, mức chi kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-8)
9. **[]** Dự án đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đi qua 16 xã, thị trấn thuộc 04 huyện của tỉnh Hậu Giang; có chiều dài 63,6km/110,93km toàn tuyến; có 04 nút giao (IC3 giao với QL1, IC4 và IC5 giao với QL61, IC6 giao với đường tỉnh 930). Dự án được Thủ tướng Chính phủ phát lệnh khởi công vào ngày 01/01/2023.

Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, đi qua địa bàn 08 xã và thị trấn thuộc 02 huyện Châu Thành A và Phụng Hiệp, với chiều dài 36,682km/188,2km toàn tuyến; có 03 nút giao (nút giao với QL61C tại Km104+746; nút giao với dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 tại Km111+933; nút giao với đường tỉnh 927 (thị trấn Cây Dương) tại Km121+993. Dự án được UBND tỉnh phối hợp Bộ Giao thông vận tải và 03 tỉnh có dự án đi qua tổ chức khởi công ngày 17/6/2023. [↑](#footnote-ref-9)
10. **[]** Các cơ sở kinh doanh nông, lâm, thủy sản đã chủ động đăng ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo quy định; khắc phục các sai lỗi, đến nay trên địa bàn tỉnh không còn cơ sở loại C. Số mẫu giám sát dư lượng vượt giới hạn cho phép giảm rất đáng kể: năm 2020 có 03/277 mẫu, năm 2021 có 15/212 mẫu, năm 2022 có 06/71 mẫu, năm 2023 có 02/544 mẫu. [↑](#footnote-ref-10)
11. **[]** Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn của tỉnh cuối năm 2023 tăng 3,8 lần so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo giảm qua các năm xuống còn 3,29% cuối năm 2023. [↑](#footnote-ref-11)
12. **[]** Mô hình chủ yếu hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi thực hiện các mô hình nuôi thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi,… Tổng kinh phí thực hiện trên 28.000 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-12)
13. **[]** Hiện nay, các địa phương đã rà soát, củng cố, thành lập mới 441 Tổ vệ sinh môi trường trên tổng số 525 ấp, khu vực trong tỉnh, trong đó có 373 Tổ đi vào hoạt động. [↑](#footnote-ref-13)